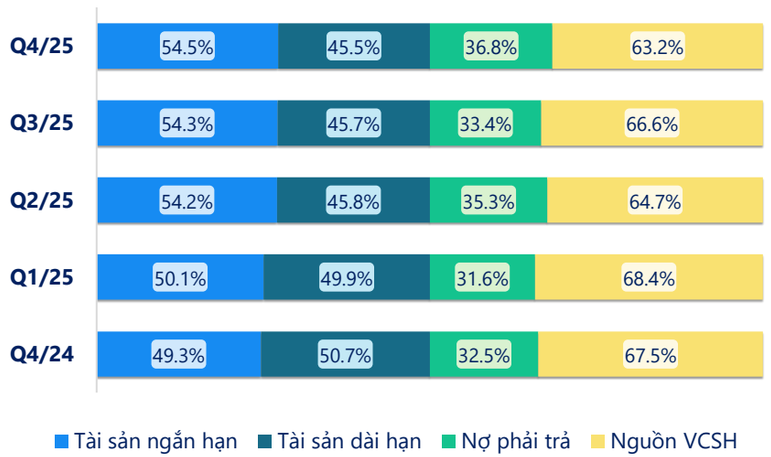
FireAnt

CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	9,460
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,877
SL cổ phiếu LH	68,399,924
KLGD BQ 20 phiên (CP)	909,035
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	647
P/E	11.5
EPS	826

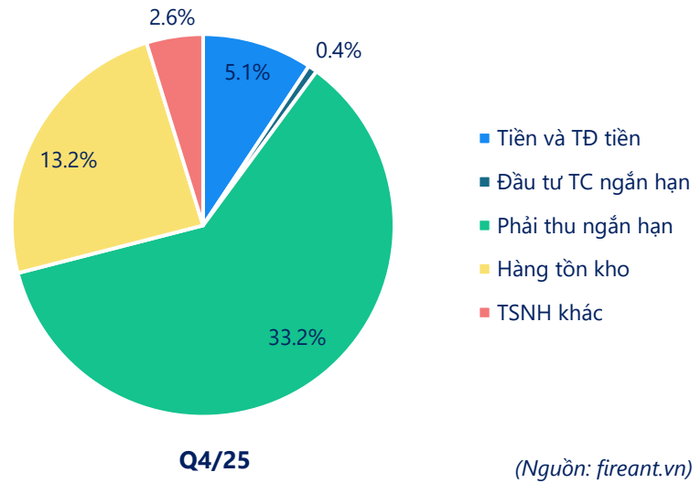
	YTD	1T	3T	6T
CRC	58.6%	-4.4%	-0.3%	-9.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



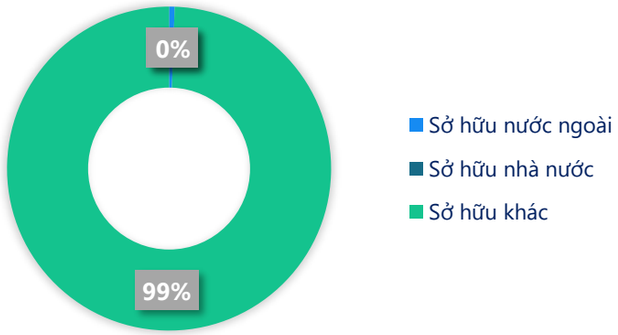
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



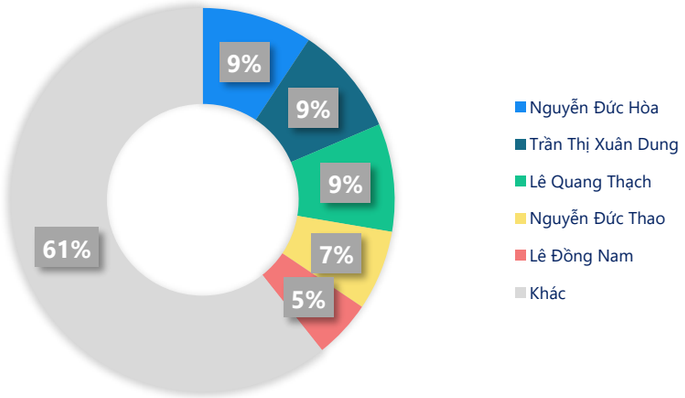
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



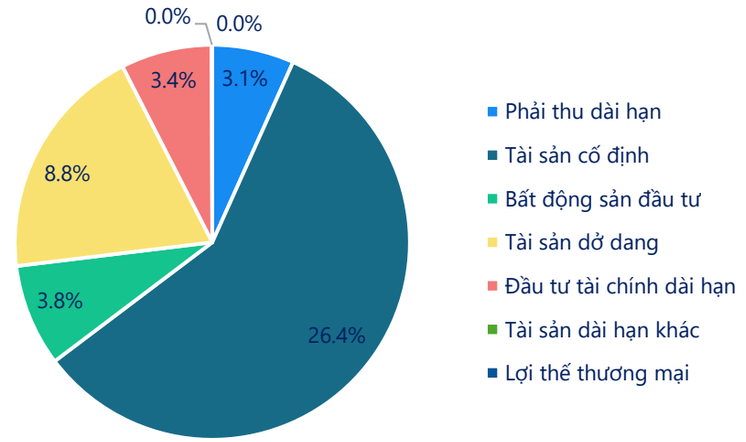
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

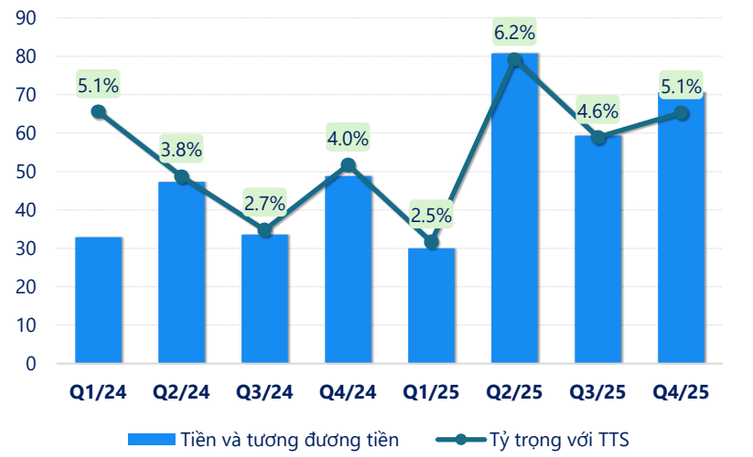


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

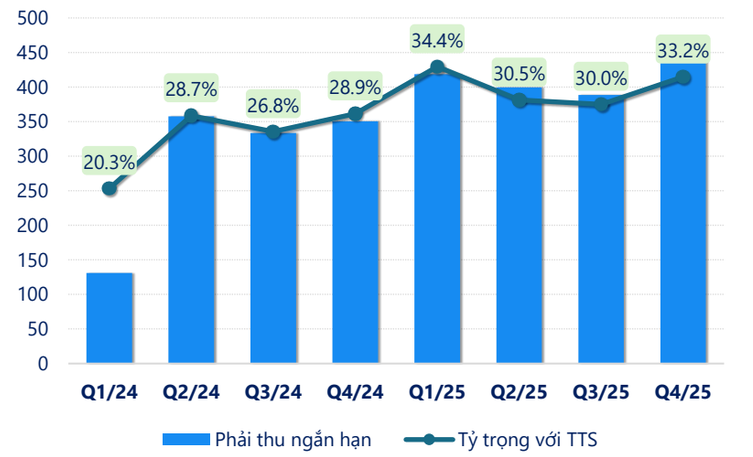
CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



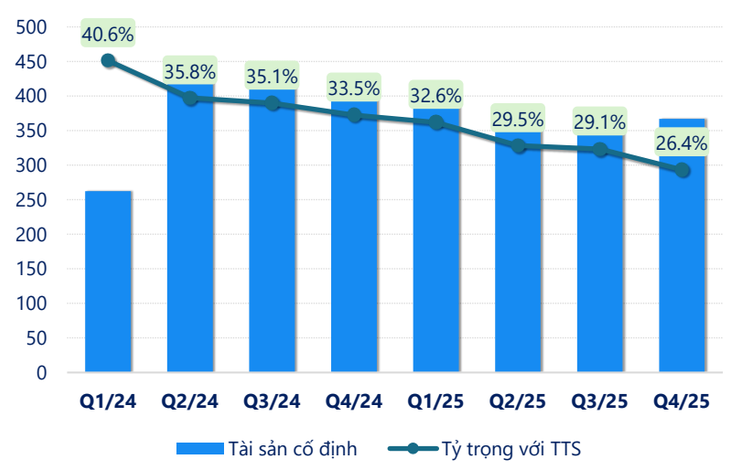
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



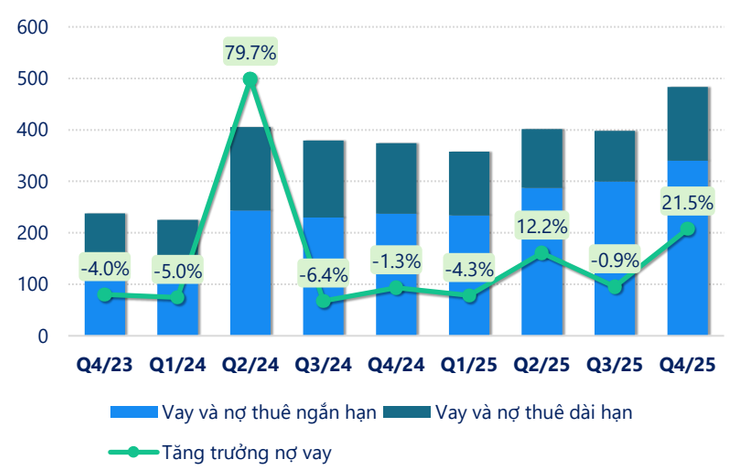
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



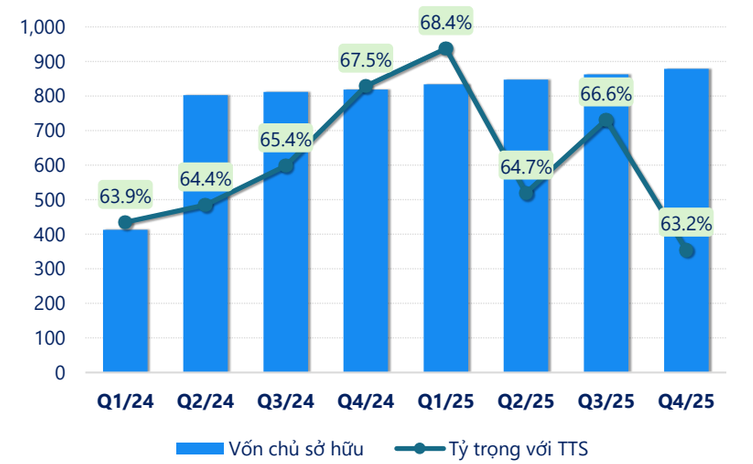
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

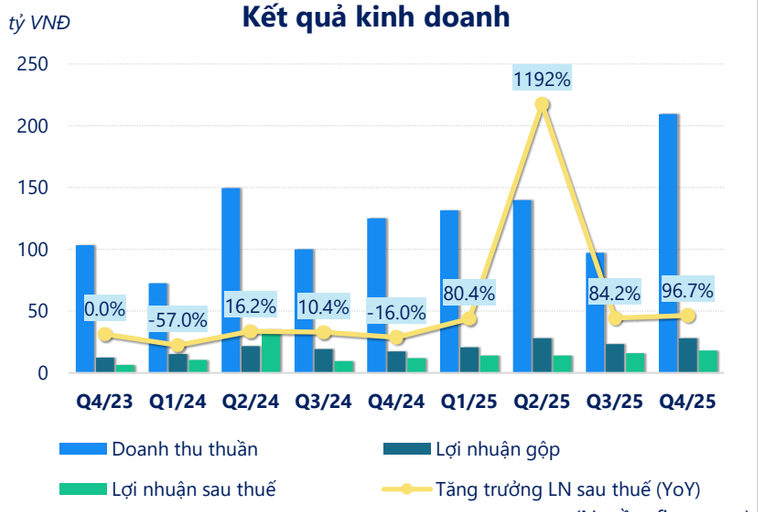


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

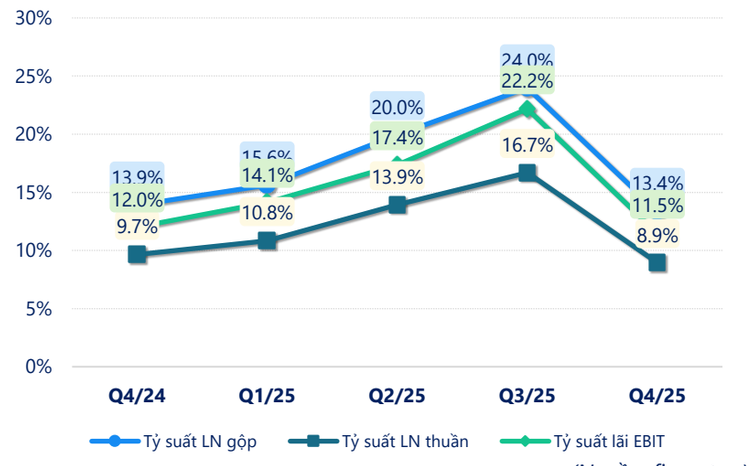
CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

Kết quả kinh doanh



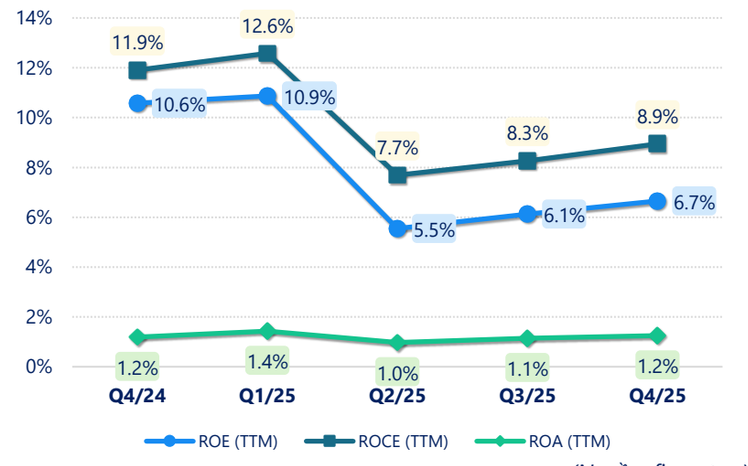
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



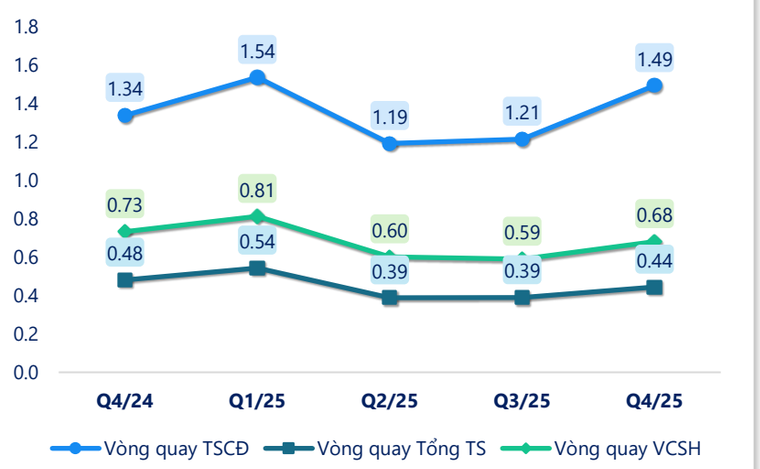
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



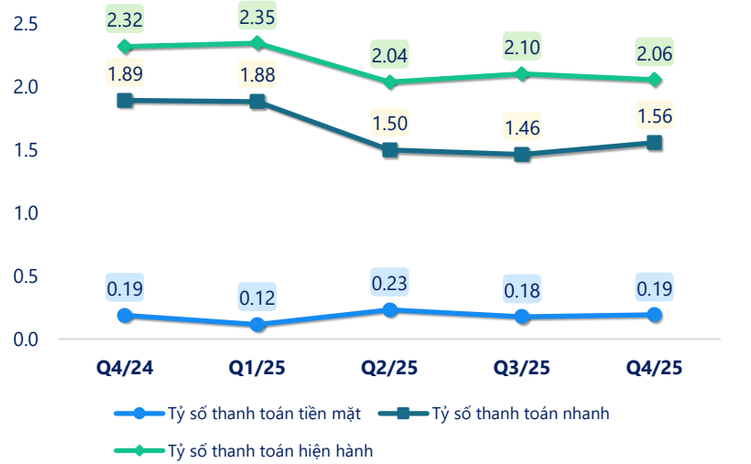
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



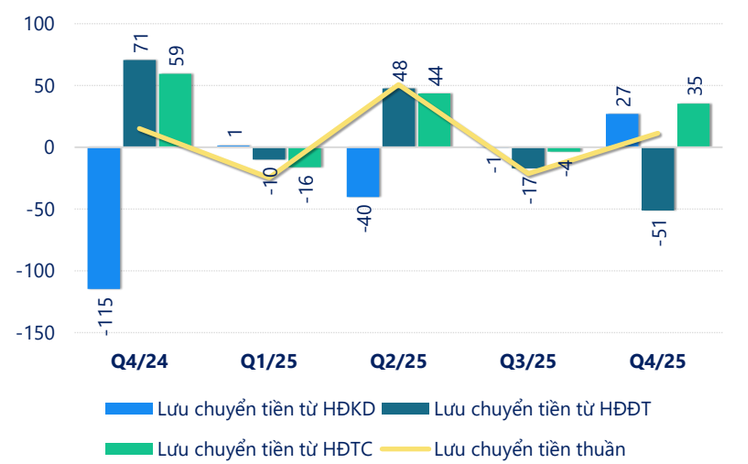
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,390**	**1,215**	**14.4%**
Tài sản ngắn hạn	757	597	26.8%
Tiền và tương đương tiền	70.6	54.7	29.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.83	3.98	46.4%
Phải thu ngắn hạn	461	390	18.3%
Hàng tồn kho	183	110	67.3%
Tài sản ngắn hạn khác	36.2	38.9	-7.1%
Tài sản dài hạn	**633**	**618**	**2.5%**
Phải thu dài hạn	42.5	42.5	0.0%
Tài sản cố định	367	407	-9.7%
Bất động sản đầu tư	53.0	53.0	0.0%
Tài sản dở dang	123	72.8	68.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	47.2	41.4	14.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.36**	**1.47**	**-75.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	512	394	29.7%
Nợ ngắn hạn	**368**	**258**	**42.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	340	238	43.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.2	14.1	-13.8%
Nợ dài hạn	143	137	5.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	143	136	5.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**878**	**820**	**7.1%**
Vốn chủ sở hữu	**878**	**820**	**7.1%**
Vốn điều lệ	684	600	14.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	125	132	140	97.2	209
Giá vốn hàng bán	108	111	112	73.9	181
Lợi nhuận gộp	17.4	20.6	27.9	23.3	28.0
Doanh thu HĐTC	1.36	0.04	0.08	0.04	0.05
Chi phí TC	4.57	4.34	6.21	5.33	5.57
Chi phí lãi vay	2.95	4.34	6.21	5.33	5.57
LN trong công ty LKLD	0.21	0	0.53	0	0
Chi phí bán hàng	0.00	0	0.11	0	0.12
Chi phí QLDN	2.28	1.99	2.71	1.79	3.60
LN thuần từ HĐKD	12.1	14.3	19.4	16.2	18.7
Lợi nhuận khác	0.00	-0.01	-1.41	0.00	-0.28
LN trước thuế	12.1	14.3	18.0	16.2	18.4
Lợi nhuận sau thuế	11.9	14.0	13.9	15.8	18.0
LNST của CĐ cty mẹ	11.0	13.3	12.5	14.5	16.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-115	1.45	-40.4	-0.57	27.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	70.5	-9.99	47.5	-17.1	-51.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	59.4	-16.1	43.6	-3.67	35.4
Tiền đầu kỳ	33.6	54.7	30.0	80.7	59.4
Lưu chuyển tiền thuần	**15.2**	**-24.7**	**50.7**	**-21.4**	**11.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	48.8	30.0	80.7	59.4	70.6

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic